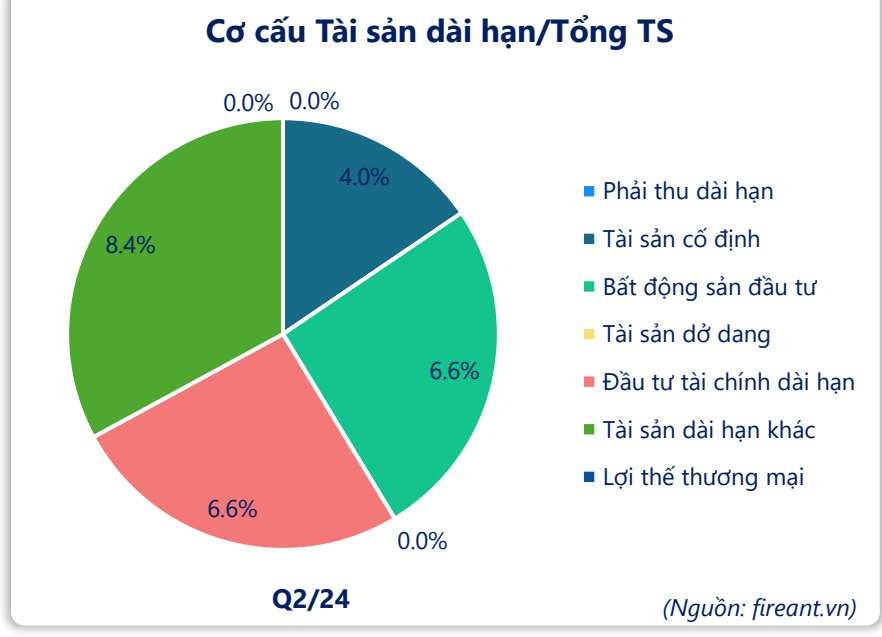
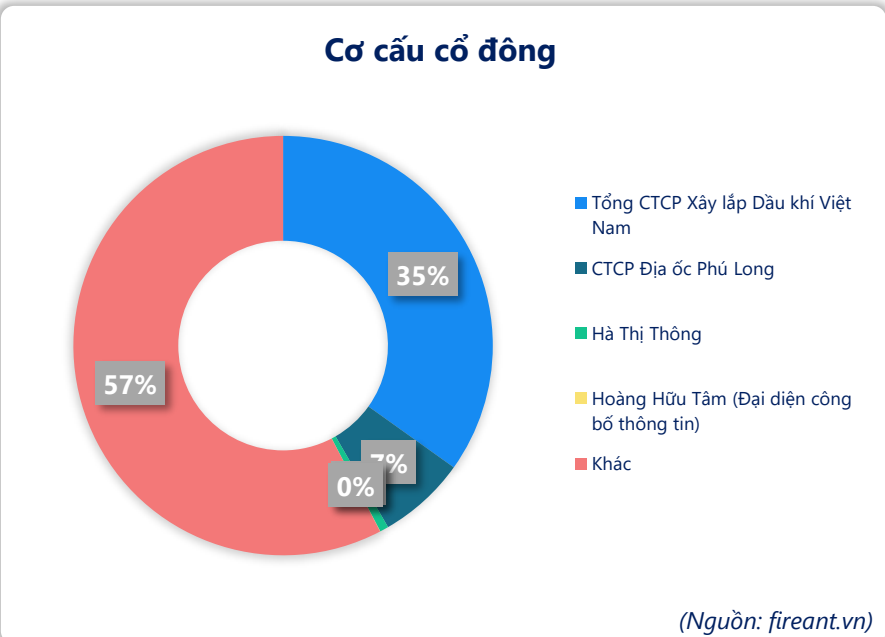
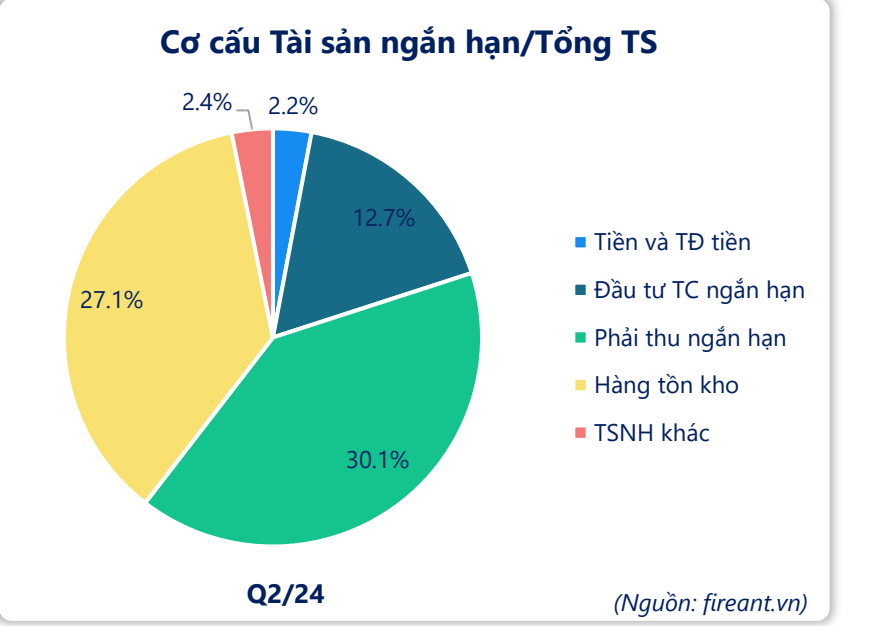
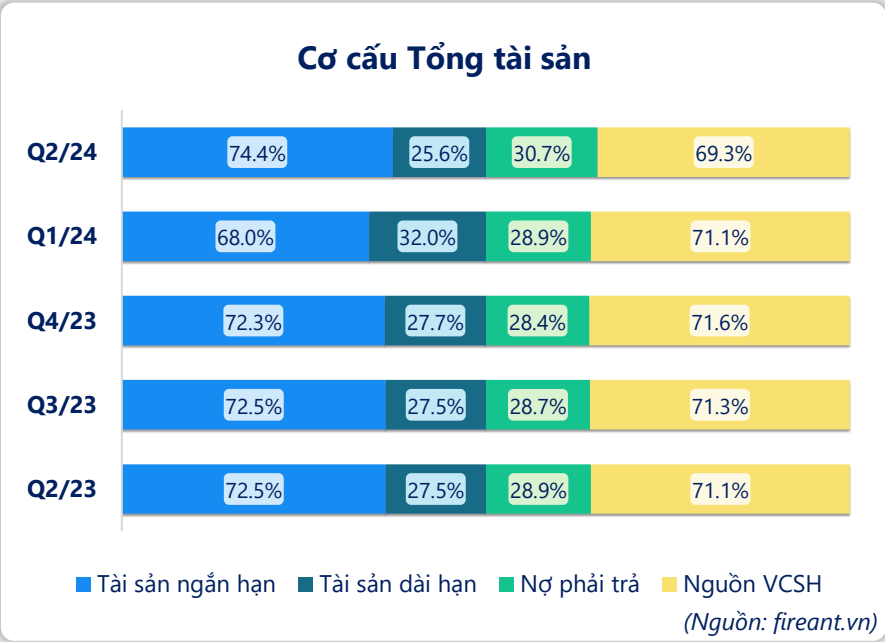
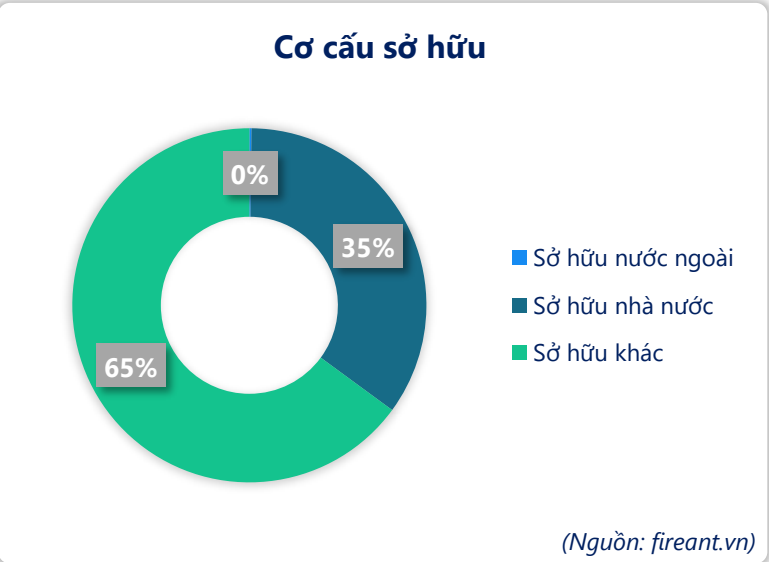
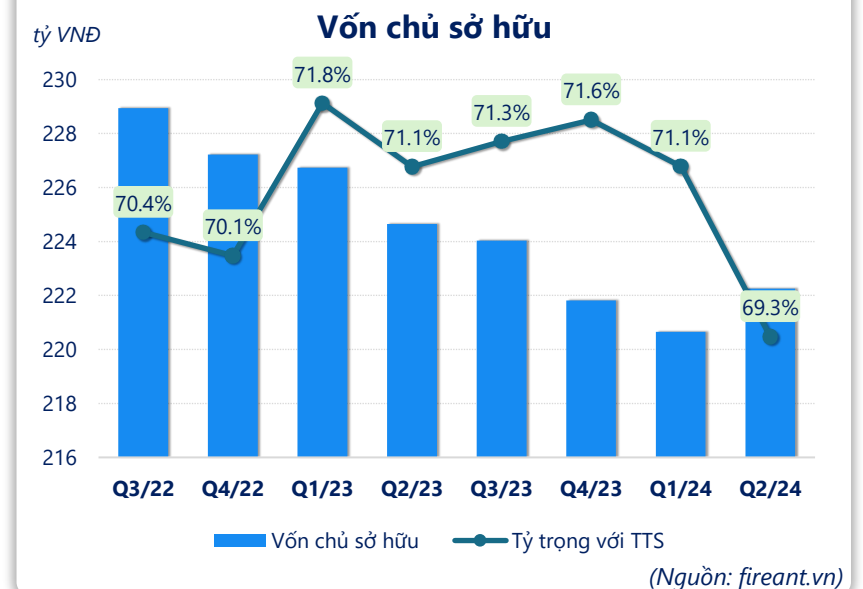
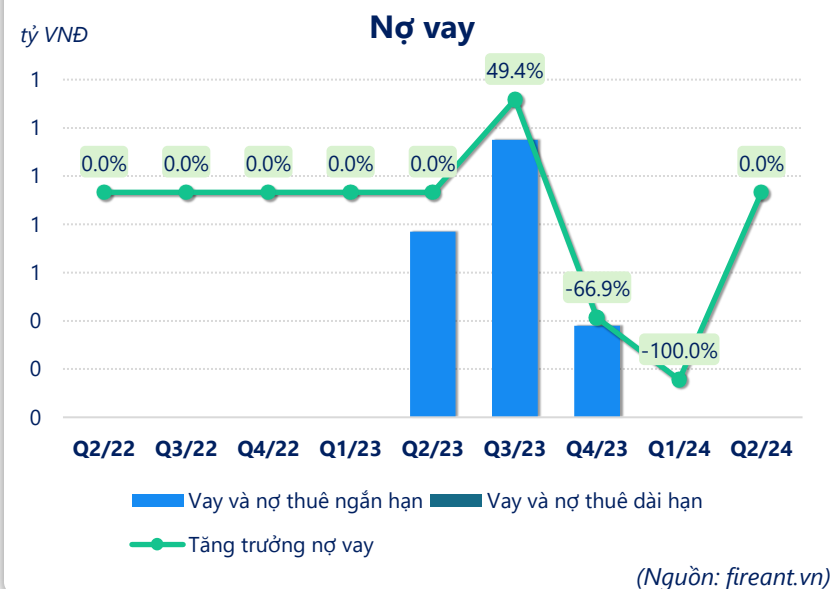
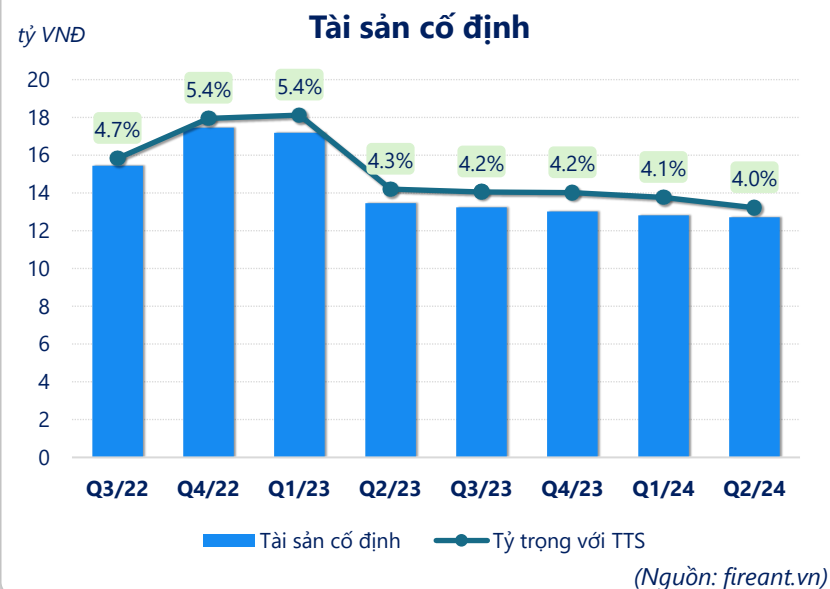
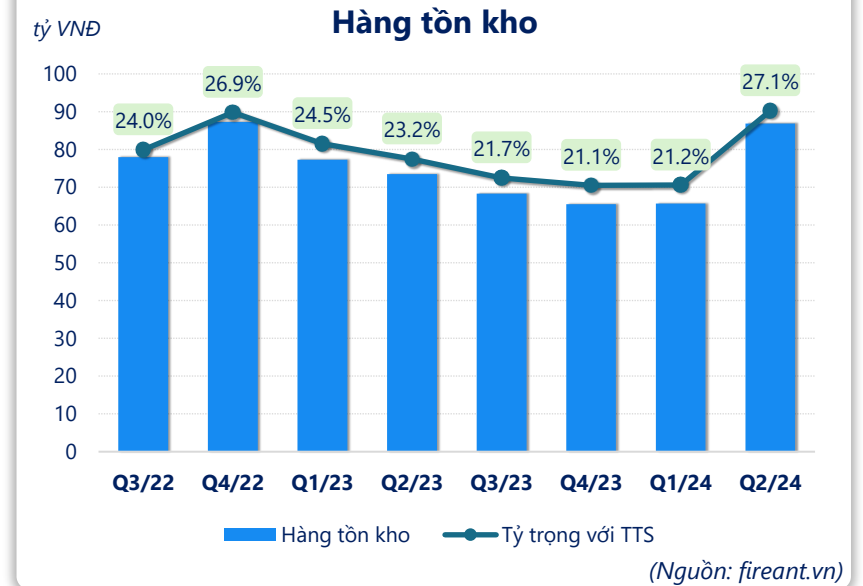
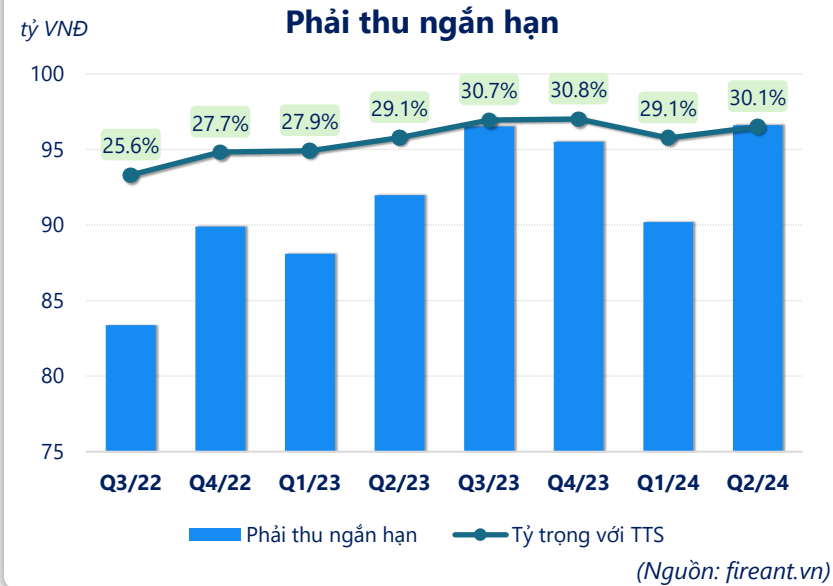
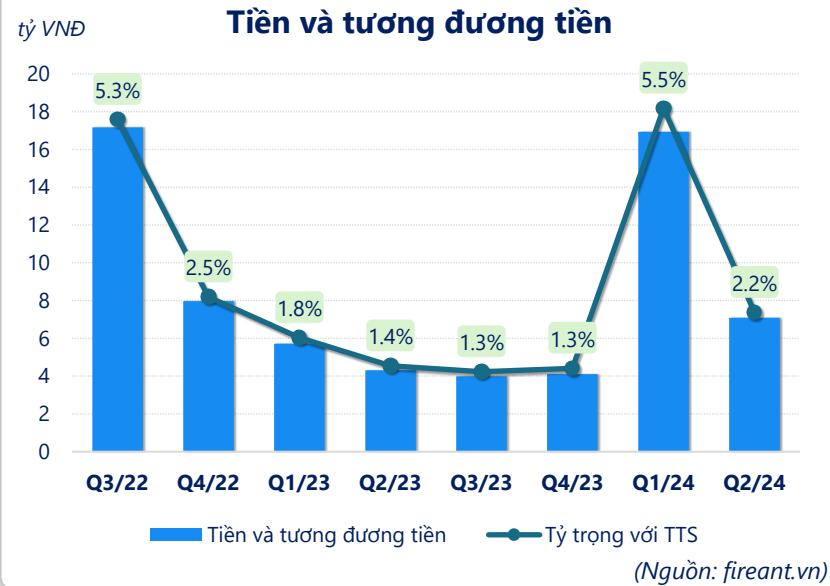
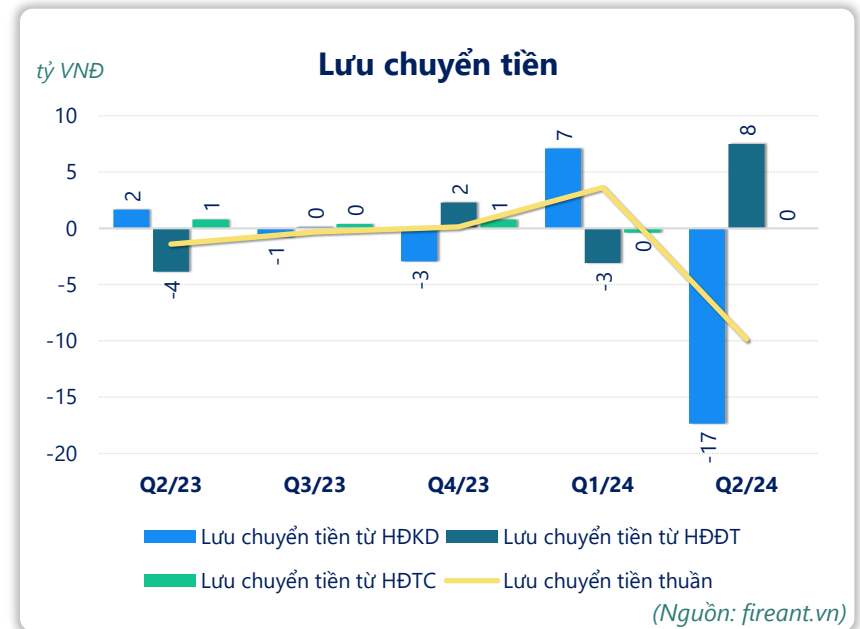
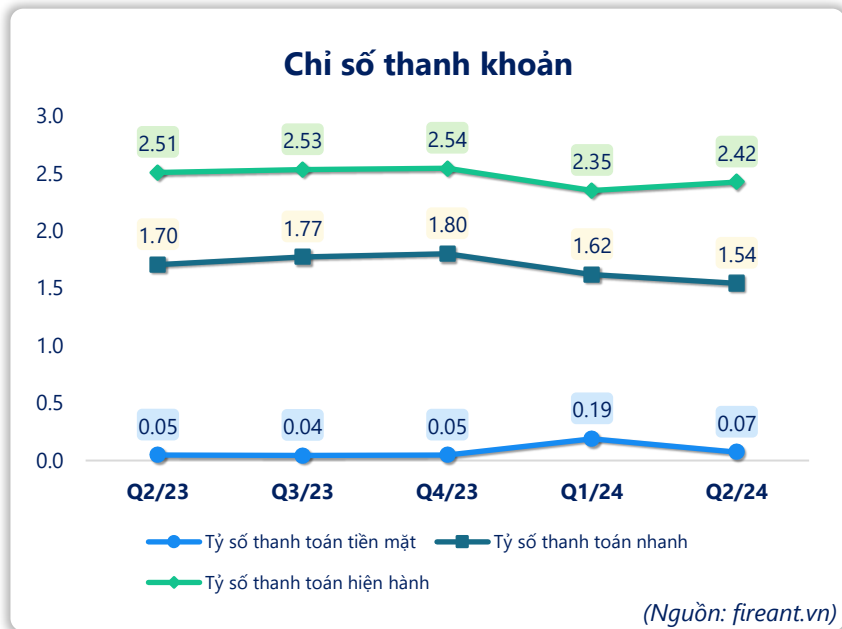
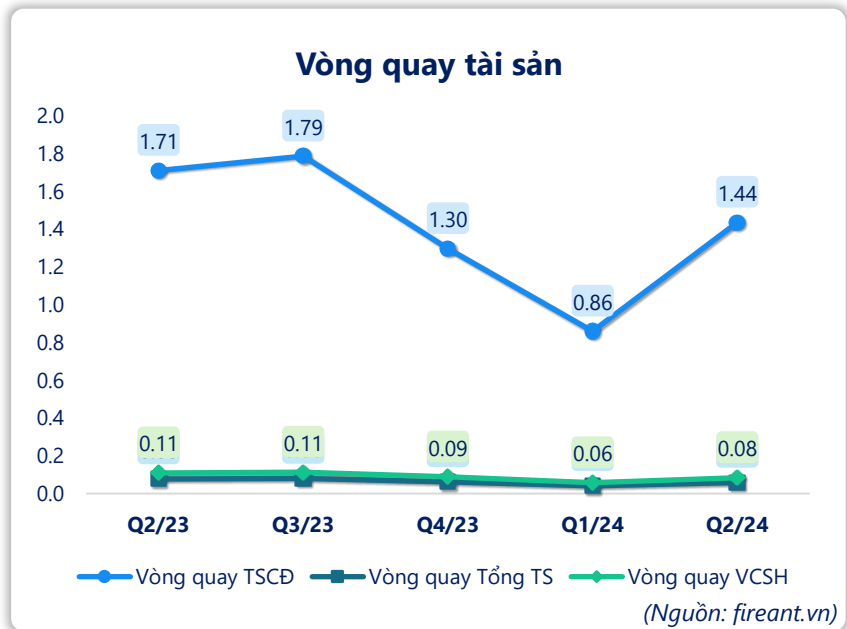
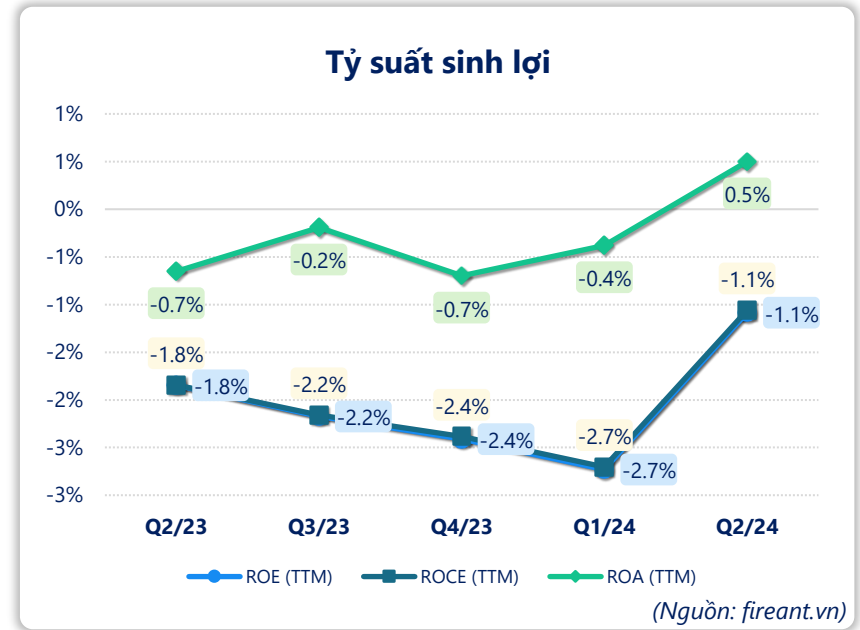
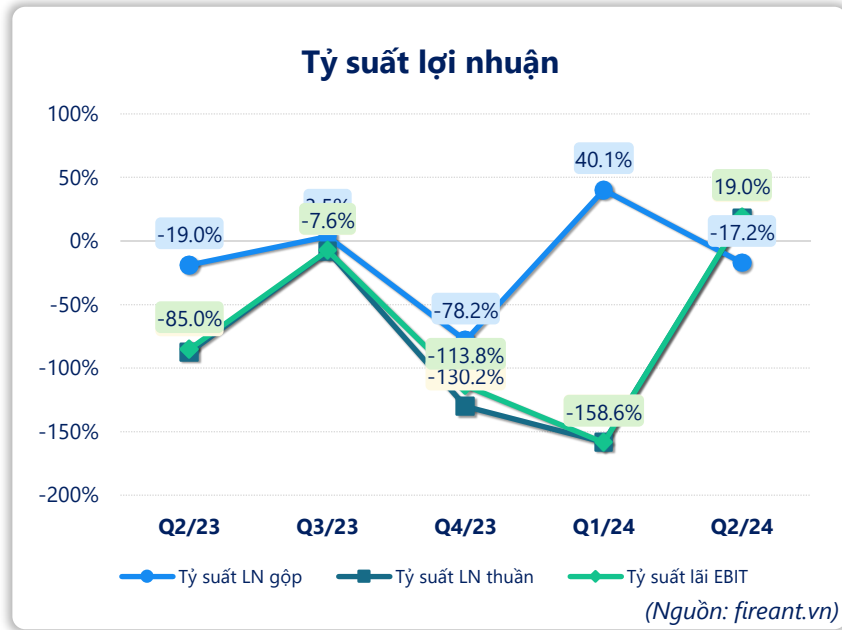
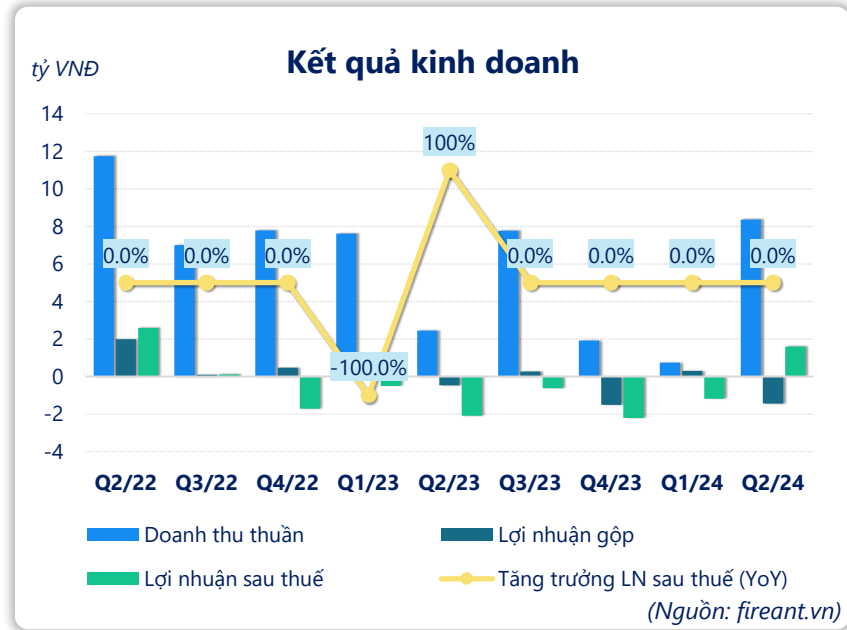


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	2,500	
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300	
SL cổ phiếu LH	50,000,000	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	280,675	
% sở hữu nước ngoài	0.2%	
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	125	
P/E	-51.5	
EPS	-49	

	YTD	1T	3T	6T
PFL	-7.4%	-3.8%	-10.7%	-7.4%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	321	310	3.5%
Tài sản ngắn hạn	239	224	6.6%
Tiền và tương đương tiền	7.09	13.3	-46.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.7	44.1	-7.7%
Phải thu ngắn hạn	96.6	95.5	1.1%
Hàng tồn kho	86.8	65.5	32.5%
Tài sản ngắn hạn khác	7.57	5.60	35.3%
Tài sản dài hạn	82.0	85.9	-4.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	12.7	13.0	-2.3%
Bất động sản đầu tư	21.2	23.6	-10.1%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	21.1	21.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	27.0	28.2	-4.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	98.6	88.1	11.9%
Nợ ngắn hạn	98.6	88.1	11.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.38	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.7	26.3	16.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	222	222	0.2%
Vốn chủ sở hữu	222	222	0.2%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	2.45	7.77	1.92	0.75	8.37
Giá vốn hàng bán	2.92	7.49	3.42	0.45	9.80
Lợi nhuận gộp	-0.47	0.27	-1.50	0.30	-1.44
Doanh thu HĐTC	1.11	1.42	0.80	0.43	0.57
Chi phí TC	0.00	0.03	0.03	0.00	0
Chi phí lãi vay	0.00	0.03	0.03	0.00	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.05	0.03	0.05	0.01	0.01
Chi phí QLDN	2.74	2.25	1.72	1.91	-2.39
LN thuần từ HĐKD	-2.15	-0.61	-2.50	-1.18	1.51
Lợi nhuận khác	0.06	0.00	0.29	0.00	0.08
LN trước thuế	-2.09	-0.62	-2.21	-1.19	1.59
Lợi nhuận sau thuế	-2.09	-0.62	-2.21	-1.19	1.59
LNST của CĐ cty mẹ	-2.09	-0.62	-2.21	-1.19	1.59

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.67	-0.82	-2.93	7.10	-17.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.86	0.12	2.28	-3.09	7.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.77	0.38	0.77	-0.38	0
Tiền đầu kỳ	5.72	4.30	3.99	13.3	16.9
Lưu chuyển tiền thuần	-1.42	-0.32	0.12	3.62	-9.84
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.30	3.99	4.11	16.9	7.09

(Nguồn: fireant.vn)